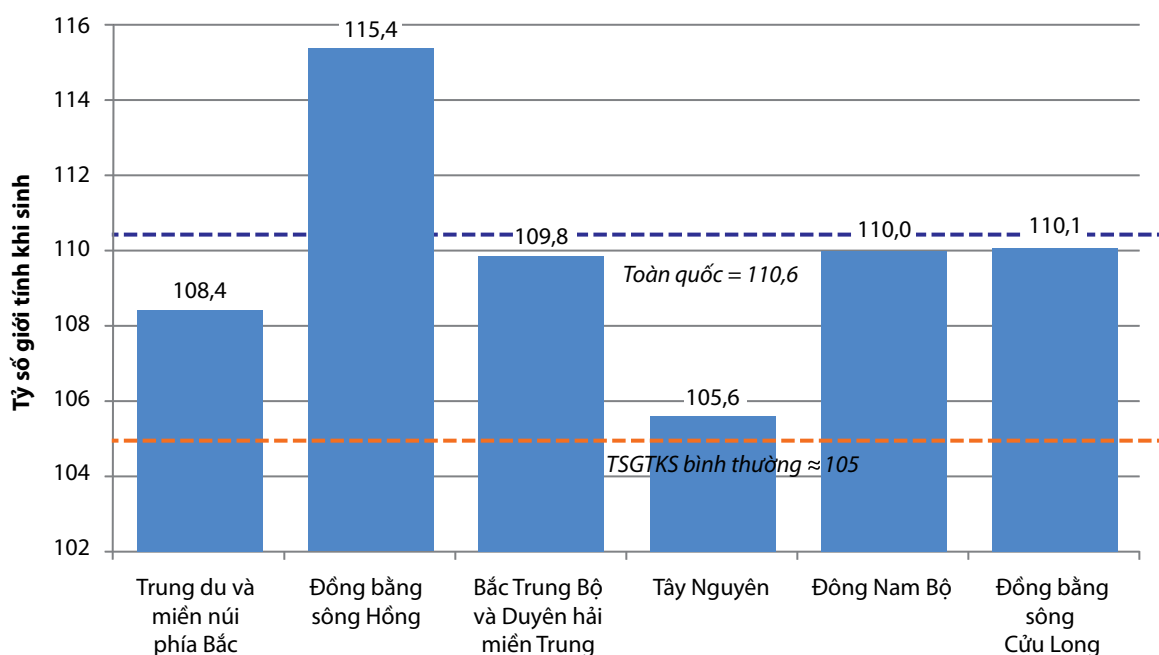


4. SỰ KHÁC BIỆT THEO VÙNG

Kinh nghiệm các quốc gia có sự gia tăng TSGTKS trong 2 thập kỷ qua cho thấy mức độ chịu ảnh hưởng của tỷ số này không giống nhau giữa các nhóm xã hội và các khu vực. Một trong những khía cạnh quan trọng trong sự khác biệt của TSGTKS là sự thay đổi theo vùng đã được chỉ ra từ phân tích số liệu của Trung Quốc và Ấn Độ. Phân tích TSGTKS theo vùng địa lý ở Việt Nam cũng cho kết quả tương tự.

Hình 1 tóm tắt sự khác biệt của TSGTKS theo 6 vùng của cả nước và cho thấy tình trạng mất cân bằng TSGTKS không đồng nhất trong cả nước. Tây Nguyên có mật độ dân số và trình độ phát triển thấp hơn các vùng khác, có TSGTKS thấp nhất trong cả nước (105,6), tương đương với mức sinh học bình thường quan sát được trên thế giới. Nhưng năm vùng còn lại có TSGTKS cao hơn, làm cho tỷ số này của toàn quốc tăng lên và ở mức 110,6. Trong số đó, vùng Đồng bằng sông Hồng có TSGTKS vào khoảng 115,4 cao hơn hẳn so với mức trung bình cả nước.

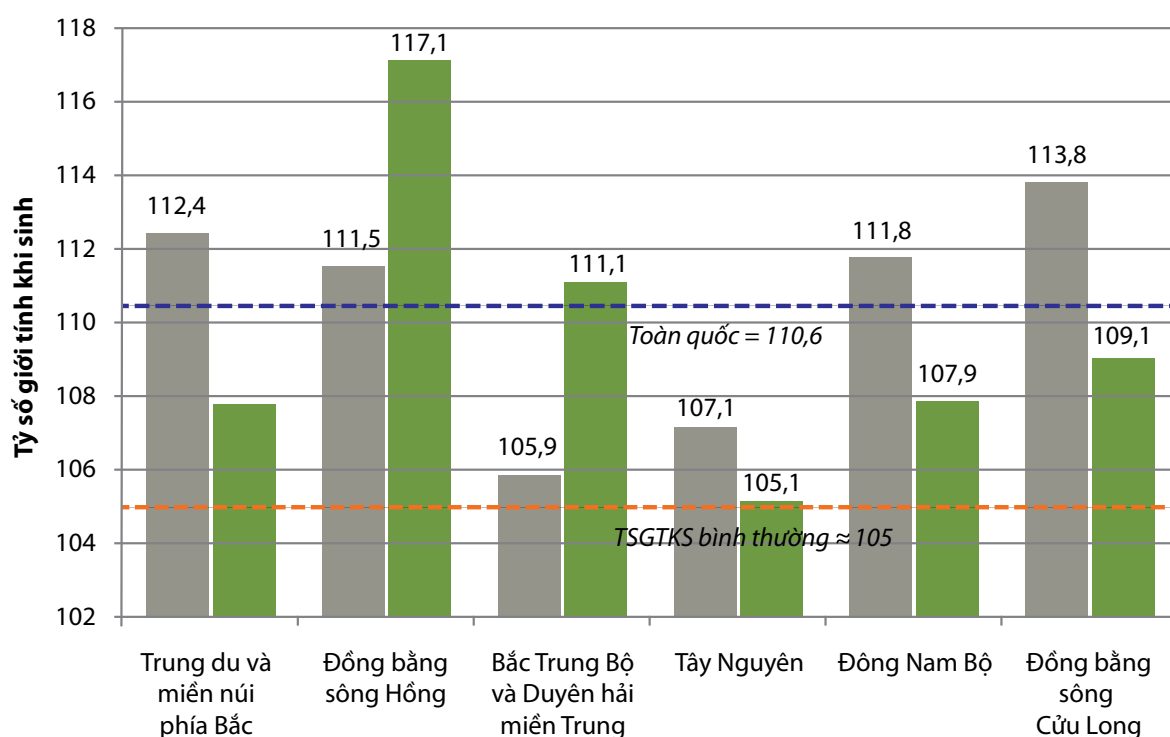
Hình 1: TSGTKS theo vùng



Sự khác biệt giữa khu vực nông thôn và thành thị của từng vùng cho thấy một đặc điểm thú vị về sự khác biệt theo vùng ở Việt Nam. Ở cấp quốc gia không có sự khác biệt nào đáng kể về TSGTKS giữa khu vực nông thôn (110,6) và thành thị (110,7). Đây là một kết quả bất ngờ vì sự khác biệt nông thôn/ thành thị là một đặc điểm quan trọng của hiện tượng mất cân bằng giới tính khi sinh ở các quốc gia châu Á khác. Ví dụ như, cư dân đô thị thường có khả năng tiếp cận với công nghệ lựa chọn giới tính hiện đại hơn các nhóm cư dân khác, trong khi mong muốn sinh con trai lại mạnh mẽ hơn đối với nông dân ở các khu vực nông thôn. Nhưng rõ ràng là không có sự khác biệt đáng kể nào ở khu vực nông thôn và thành thị ở Việt Nam.

Tuy nhiên những phân tích sâu cho thấy một bức tranh về TSGTKS phức tạp hơn. Phân tích ở cấp vùng cho thấy TSGTKS ở khu vực nông thôn của các tỉnh phía Bắc cao hơn hẳn so với khu vực thành thị, thể hiện rõ rệt nhất ở vùng Đồng bằng sông Hồng với TSGTKS ở nông thôn là 117 so với mức 111 ở thành thị. Tương tự, các khu vực Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung cũng có khác biệt về TSGTKS ở khu vực nông thôn cao hơn ít nhất là 5 điểm phần trăm (Hình 2). Ngược lại, ở các vùng khác, TSGTKS ở khu vực thành thị lại cao hơn ở khu vực nông thôn. Điều này có thể quan sát thấy ở các tỉnh phía Nam, TSGTKS ở khu vực thành thị cao hơn khoảng 4 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn, và tương tự Tây Nguyên, nơi mà lựa chọn giới tính trước sinh còn hiếm. Những phát hiện này cho thấy tính chất phức tạp về xã hội của hiện tượng này. Một mặt, lựa chọn giới tính trước sinh đang diễn ra trong nhiều gia đình nông thôn ở miền Bắc Việt Nam, nơi có văn hóa mang nặng tính gia phong rõ nét hơn các khu vực khác. Trong khi mức sinh giảm làm tăng nguy cơ không có con trai, thì nhu cầu có con trai có lẽ mạnh mẽ nhất trong các hộ gia đình nông nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng⁴. Nhưng ở các vùng còn lại của cả nước, nhu cầu có con trai lại tỏ ra mạnh mẽ hơn ở các khu vực đô thị. Các dịch vụ y tế tốt hơn tại các khu đô thị và mức sinh thấp hơn đã có tác động đến hiện tượng này. Thực hành lựa chọn giới tính trước sinh đã diễn ra theo những cơ chế khác nhau giữa miền Bắc và các vùng còn lại của Việt Nam.

Hình 2: TSGTKS theo vùng và nông thôn/thành thị

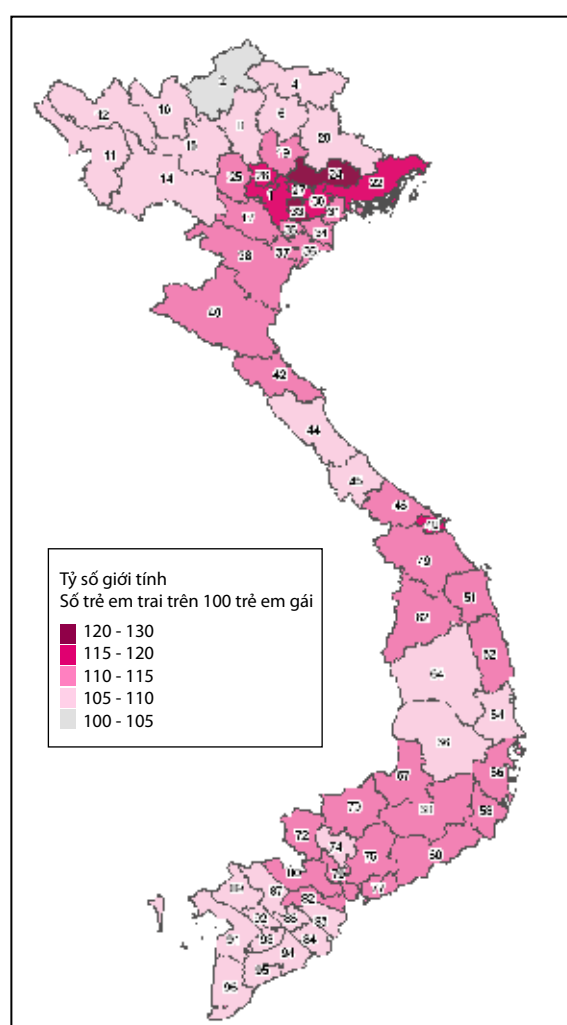


Do sự khác biệt của TSGTKS theo vùng khá rõ nét, nên việc xem xét xu hướng mất cân bằng giới tính ở cấp tỉnh là cần thiết. Tuy nhiên, do số ca sinh thu thập được gần đây của 63 tỉnh/thành phố của cả nước khá nhỏ, cho nên các ước lượng thu được có thể không đáng tin cậy.

⁴ Nếu không có sự lựa chọn giới tính, khoảng 25% các gia đình 2 con sẽ không có con trai. Mức sinh của Việt Nam hiện nay thấp hơn 2 con trung bình cho mỗi phụ nữ ở nhiều vùng nông thôn miền Bắc Việt Nam.

Thực tế, chỉ có 2 trong số 63 tỉnh/thành phố có số ca sinh trên 10.000 là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Số lượng các sinh nhỏ đã làm cho các ước lượng TSGTKS thu được có thể không đáng tin cậy. Phụ lục 4 trình bày các ước lượng TSGTKS ở cấp tỉnh với khoảng tin cậy 95%⁵. Vì lý do này, chuyên khảo này khai thác sự khác biệt theo tỉnh bằng cách sử dụng tỷ số giới tính trẻ em (được tính cho nhóm dân số dưới 5 tuổi). Tỷ số này phản ánh tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh trong vòng 5 năm trước đó (2004-2009), nhưng cũng có thể bị ảnh hưởng bởi sự khác biệt theo giới tính của tỷ suất chết trẻ em, tỷ suất chết trẻ em dưới một tuổi và các sai số khác. Đặc biệt là TSGTTE có xu hướng thấp hơn TSGTKS thực tế của đoàn hệ sinh tương ứng do tỷ suất chết trẻ em trai về sinh học có xu hướng cao hơn trẻ em gái khiến cho TSGTTE có xu hướng giảm dần theo độ tuổi. Một sai số khác, chưa được điều chỉnh trong báo cáo này, liên quan đến tác động của quyền sở hữu đất đai gia truyền cho mẫu điều tra, theo đó, số trẻ em trai có thể được ước lượng vượt mức (xem Phụ lục 3).

Hình 3: TSGTTE dưới 5 tuổi phân theo tỉnh



Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã tỉnh	Tên tỉnh
1	Hà Nội	49	Quảng Ngãi
2	Hà Giang	51	Bình Định
4	Cao Bằng	52	Phú Yên
6	Bắc Kạn	54	Khánh Hòa
8	Tuyên Quang	56	Ninh Thuận
10	Lao Cai	58	Bình Thuận
11	Điện Biên	60	Kon Tum
12	Lai Châu	62	Gia Lai
14	Sơn La	64	Dak Lak
15	Yên Bái	66	Dak Nông
17	Hòa Bình	68	Lâm Đồng
19	Thái Nguyên	70	Bình Phước
20	Lạng Sơn	72	Tây Ninh
22	Quảng Ninh	74	Bình Dương
24	Bắc Giang	75	Đồng Nai
25	Phú Thọ	77	Bà Rịa - Vũng Tàu
26	Vinh Phúc	79	TP Hồ Chí Minh
27	Bắc Ninh	80	Long An
30	Hải Dương	82	Tiền Giang
31	Hải Phòng	83	Bến Tre
33	Hưng Yên	84	Trà Vinh
34	Thái Bình	86	Vĩnh Long
35	Hà Nam	87	Đồng Tháp
36	Nam Định	89	An Giang
37	Ninh Bình	91	Kiên Giang
38	Thanh Hóa	92	Cần Thơ
40	Nghệ An	93	Hậu Giang
42	Hà Tĩnh	94	Sóc Trăng
44	Quảng Bình	95	Bạc Liêu
45	Quảng Trị	96	Cà Mau
46	Thừa Thiên - Huế		
48	Đà Nẵng		

⁵ Ước lượng TSGTKS cho các tỉnh được công bố trong báo cáo TĐTDS (2009b).

Hình 3 cho thấy sự khác biệt giữa các tỉnh lớn hơn nhiều so với khác biệt giữa các vùng. TSGTTE dao động từ mức thấp nhất là 104 (tỉnh Hà Giang) đến mức cao nhất là 124 (tỉnh Hưng Yên).

Sự biến thiên TSGTTE một phần do kích thước mẫu, nhưng trong số 63 tỉnh/thành của Việt Nam, có thể thấy có 17 tỉnh có TSGTTE không khác biệt so với mức 105 (xem Phụ lục 4). Những tỉnh này phần lớn ở Tây Nguyên, hoặc vùng Trung du và miền núi phía Bắc – là các khu vực có trình độ phát triển kinh tế-xã hội và mức độ đô thị hóa thấp, và có nhiều các dân tộc thiểu số sinh sống. Ngược lại, 46 tỉnh/thành phố còn lại có TSGTTE cao bất thường, đặc biệt có 8 tỉnh vượt mức 115, thậm chí 2 tỉnh Bắc Giang và Hưng Yên cận kề với Hà Nội có TSGTTE vượt trên mức 120. Mặc dù không có số liệu ở cấp huyện, nhưng có khả năng một số huyện trong các tỉnh này có mức TSGTTE còn cao hơn nữa.

Một vài “điểm nóng” về TSGTTE (những tỉnh có TSGTTE cao) có thể quan sát được trên bản đồ, ví dụ khu vực xung quanh Thành phố Hồ Chí Minh thuộc vùng Đông Nam Bộ. Tuy nhiên, phần lớn các điểm có TSGTTE cao nhất nằm ở khu vực Đồng bằng miền Bắc. Các tỉnh này nằm trong tam giác hình thành bởi các điểm: Vĩnh Phúc ở phía Tây, Hưng Yên ở phía Nam, và Quảng Ninh ở phía Đông, đều có TSGTTE trên 115. Một điểm thú vị là TSGTTE cao nhất lại không quan sát thấy ở các thành phố có mức đô thị hóa cao như Hà Nội và Hải Phòng, mà tập trung chủ yếu ở các tỉnh nông nghiệp như Bắc Giang và Hưng Yên. Quan sát này cũng đã được đưa ra trong một nghiên cứu khác (Guilmoto và cộng sự, 2009). Bản đồ này cũng tương đồng với bản đồ TSGTKS cấp tỉnh cho năm 2008 của Bộ Y tế (xem Phụ lục 5) tính toán từ số liệu về số ca sinh tại các cơ sở y tế trên cả nước. Khi so sánh, cả hai bản đồ đều phản ánh đặc điểm phân bố địa lý tương đồng của các tỉnh có TSGT cao, mặc dù có một số khác biệt nhỏ.

Xem xét theo khu vực địa lý, bản đồ TSGTTE của Việt Nam cho thấy xu hướng phân bố theo không gian khá nhất quán, các tỉnh có TSGTTE cao (hoặc thấp) thường liền kề với nhau. Quan sát này cũng được khẳng định bằng mối tự tương quan về không gian mạnh mẽ từ các kết quả ước lượng TSGTKS cấp tỉnh (chỉ số Moran = 0,46), khẳng định xu hướng phân bố tập trung của hiện tượng này. Phân tích địa lý thống kê TSGT cho thấy nhóm các huyện có TSGTTE cao ở miền Bắc Việt Nam tập trung xung quanh tỉnh Bắc Ninh. Điều thú vị là ngoài nhóm này, không có nhóm nào khác có mức TSGTTE cao nổi bật như vậy, kể cả ở các tỉnh phía Nam.

Khu vực nông thôn miền Bắc Việt Nam là vùng trọng điểm trên cả nước có số trẻ em trai sinh ra vượt trội so với số trẻ em gái. Xu hướng địa lý này cho thấy hành vi lựa chọn giới tính trước sinh có lẽ bắt đầu từ một vài khu vực nông thôn thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng. Hiện tượng này sau đó lan ra các khu vực lân cận, và quan trọng là hành vi lựa chọn giới tính trước sinh sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới nhiều tỉnh hơn trong tương lai. Ở các vùng khác trên cả nước, hành vi này diễn ra chủ yếu ở khu vực thành thị, và ít có khác biệt theo khu vực địa lý. Ở một số vùng như Tây Nguyên chưa xuất hiện hành vi lựa chọn giới tính trước sinh, TSGTKS có thể cũng sẽ tăng dần trong tương lai do tỷ số này được quan sát đã tăng lên đáng kể ở khu vực đô thị trong vùng (Hình 2). Ở các vùng khác, TSGTKS có thể sẽ tăng lên trong những năm tới. Sự gia tăng nhanh chóng TSGTKS trong 2 năm qua được phản ánh trong phân tích cơ cấu tuổi ở phần tiếp theo cũng sẽ cung cấp bằng chứng cho xu hướng gia tăng này.